

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HS-ST

Ngày 06 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2020/TLST- HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/HSST-QĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/HSST-QĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H – sinh năm 1984, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 và bà Lê Thị T (đã chết); vợ: Ngô Thị H2 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 588/2011/HSPT ngày 30 tháng 9 năm 2011 của Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt bị cáo 14 năm tù về tội "Giết người" (bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28 tháng 12 năm 2019); bị cáo bị bắt ngày 29 tháng 8 năm 2020, chuyển tạm giam ngày 07 tháng 9 năm 2020; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn D – sinh năm 1986, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H3 (đã chết) và bà Ngô Thị H4; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 59/2011/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2011 của Tòa án nhân

dân huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 47 tháng, 10 ngày (đã được xóa án); bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 29 tháng 8 năm 2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 07 tháng 9 năm 2020, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn T1 – sinh năm 1985, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Lưu Thị T2; vợ: Lê Thị T3 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 30 tháng 8 năm 2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 07 tháng 9 năm 2020, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Văn V – sinh năm 1986, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị D; vợ: Ma Thị S và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 29 tháng 8 năm 2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 07 tháng 9 năm 2020, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

5. Đỗ Quang A – sinh năm 1990, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Quang D1 và bà Nguyễn Thị Như N; vợ: Phạm Thị L và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 29 tháng 8 năm 2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 07 tháng 9 năm 2020; ngày 28 tháng 10 năm 2020, bị Cơ quan An ninh Điều tra - Công an thành phố Hải Phòng khởi tố bị can, bắt tạm giam về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu, nộp Ngân sách nhà nước" theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Anh Tống Văn V1, anh Ngô Văn L1, chị Lê Thị T4; anh V có mặt, anh L1 và chị T4 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 29 tháng 8 năm 2020, tại nhà ở của Lê Văn T1 ở thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, Công an huyện A kết hợp với Công an xã A phát hiện, bắt quả tang Vũ Văn V, Đỗ Quang A, Lê Văn D, Phạm Văn H có hành vi đánh phôm được thua bằng tiền. Vật chứng thu giữ gồm: Thu trên chiếu bạc 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài và số tiền 9.050.000 đồng, trong đó 500.000 đồng tiền hồ. Thu giữ trong người Vũ Văn V 160.000 đồng,

Lê Văn D 1.240.000 đồng, Phạm Văn H 4.620.000 đồng được các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

Ngày 30 tháng 8 năm 2020, Lê Văn T1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Vũ Văn V, Đỗ Quang A, Lê Văn D, Phạm Văn H, Lê Văn T1 khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 29 tháng 8 năm 2020, Vũ Văn V, Đỗ Quang A và Lê Văn D đến nhà Lê Văn T1 chơi rồi cùng rủ nhau đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh phỏm tại nhà của Lê Văn T1 tại thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Do thiếu người chơi nên Vũ Văn V đã gọi điện rủ Phạm Văn H đến chơi. Khi bị cáo Phạm Văn H đến, các bị cáo V, Quang A, D, H thống nhất với T1 nếu người chơi nào “ù thường” sẽ trả cho T1 50.000 đồng, nếu “ù thông” hoặc “ù đồng hoa”, “ù tứ trụ” sẽ trả cho T1 100.000 đồng gọi là tiền hồ, để T1 lấy tiền mua chè, thuốc phục vụ các bị cáo chơi bài, số còn lại T1 sử dụng để chi tiêu cá nhân. Lê Văn T1 đã đồng ý và lấy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài đã mua trước đó để cả nhóm đánh phỏm tại gian phía trong nhà T1. Khi chơi, V dùng 3.800.000 đồng, Quang A dùng 3.600.000 đồng, D dùng 3.000.000 đồng, H dùng 4.670.000 đồng để đánh phỏm. Tỷ lệ chơi như sau: Nếu người nào “ù thường” thì những người chơi còn lại, mỗi người phải trả cho người ù số tiền 500.000 đồng, nếu “ù thông” hoặc “ù đồng hoa”, “ù tứ trụ” thì những người chơi còn lại, mỗi người phải trả cho người ù số tiền 1.000.000 đồng. Nếu không có người “ù” thì người nào bài có điểm ít nhất sẽ là người về nhất, người có điểm ít thứ hai về nhì, người có điểm ít thứ ba về ba, người có điểm nhiều nhất về bét; người về nhì sẽ phải trả cho người về nhất 50.000 đồng, người về ba trả cho người về nhất 100.000 đồng, người về bét trả cho người về nhất 150.000 đồng. Nếu người nào bị cháy (tức không có các lá bài ghép lại thành phỏm) thì phải trả cho người về nhất số tiền 300.000 đồng. Các bị cáo V, Quang A, D, H đánh được nhiều ván, đã ù 09 ván, trong đó có 01 ván ù thông và đã bỏ ra 500.000 đồng tiền hồ cho T1. Quá trình các bị cáo đánh bài có T1 ngồi xem được khoảng 02 ván thì đi làm; ngoài ra còn có Tống Văn V1 và Ngô Văn L1 ngồi xem nhưng không chơi. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi các bị cáo Vũ Văn V, Đỗ Quang A, Lê Văn D và Phạm Văn H đang chơi bài thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như trên.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận như nội dung đã nêu trên. Việc đánh bài tại nhà bị cáo Lê Văn T1 không được sự đồng ý của chị Lê Thị T4, chị T4 không biết việc các bị cáo đánh bài ăn tiền tại nhà. Khi biết lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng, Lê Văn T1 đã đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Người làm chứng Tống Văn V1 khai như nội dung các bị cáo đã khai nhận. Công bố lời khai của những người làm chứng Lê Thị T4, Ngô Văn L1 khai có nội dung như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa.

Tại Cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn D, Lê Văn T1,

Vũ Văn V và Đỗ Quang A về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 09 đến 12 tháng tù về tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 09 đến 12 tháng tù về tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Đánh bạc”, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn V từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Đánh bạc”, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Quang A từ 07 đến 09 tháng tù về tội: “Đánh bạc”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 15.070.000 đồng đã thu giữ trong vụ án

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất; bị cáo Lê Văn D đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện A lập vào hồi 17 giờ ngày 29 tháng 8 năm 2020; phù hợp với lời khai những người làm chứng; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Lê Văn T1 đã có hành vi chuẩn bị bài và sử dụng địa điểm nhà ở của mình tại thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng để các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn D, Vũ Văn V và Đỗ Quang A đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh phỏm bị Công an huyện A phát hiện bắt quả tang vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 29 tháng 8 năm 2020 và thu giữ 15.070.000đồng trên chiếu bạc.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm trật tự công cộng, gây nguy hiểm cho xã hội nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: “Đánh bạc”, tội phạm được quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

[4] Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 15.070.000đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an xã hội, gây nên tâm lý lo ngại trong nhân dân. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Bị cáo Phạm Văn H có một tiền án, bị Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt bị cáo 14 năm tù về tội "Giết người", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28 tháng 12 năm 2019 do vậy lần phạm tội này là "Tái phạm" nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo Lê Văn D có một tiền án, bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt bị cáo 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 47 tháng, 10 ngày tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2011, bị cáo đã thi hành xong khoản

tiền án phí vào ngày 06 tháng 9 năm 2011 và khoản tiền phạt bổ sung vào ngày 31 tháng 7 năm 2012 nên đã được xóa án vì vậy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Các bị cáo Lê Văn T1, Vũ Văn V và Đỗ Quang A trước khi thực hiện hành vi phạm tội có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[9] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; tỏ ra ăn năn, hối cải nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Các bị cáo Lê Văn T1, Vũ Văn V và Đỗ Quang A phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] Bị cáo Lê Văn D có thời gian tham gia quân đội, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, có ông nội là Lê Văn Đ được tặng thưởng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang; bị cáo Lê Văn T1 sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên các bị cáo Lê Văn D, Lê Văn T1 được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về phân hóa vai trò:

[12] Đối với bị cáo Lê Văn T1: Trong vụ án này, các bị cáo đều là những người thực hành tội phạm, bị cáo Lê Văn T1 là người chuẩn bị bài, cho các bị cáo khác sử dụng địa điểm, được hưởng lợi từ việc thu tiền hồ, hành vi của bị cáo Lê Văn T1 tạo tiền đề cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên vai trò của bị cáo là cao nhất trong vụ án.

[13] Đối với bị cáo Vũ Văn V: Các bị cáo Vũ Văn V, Lê Văn D, Phạm Văn H và Đỗ Quang A có thời gian đánh bạc như nhau nhưng bị cáo Vũ Văn V là người đã gọi điện rủ bị cáo Phạm Văn H đến chơi cùng nên bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo Lê Văn T1 nhưng cao hơn so với các bị cáo Lê Văn D, Phạm Văn H và Đỗ Quang A.

[14] Đối với các bị cáo Lê Văn D và Đỗ Quang A: Các bị cáo Lê Văn D và Đỗ Quang A có thời gian tham gia đánh bạc như nhau, số tiền đánh bạc bỏ ra gần như nhau, đã cùng với bị cáo Vũ Văn V thỏa thuận việc chơi bài ăn tiền nên vai trò của các bị cáo Lê Văn D, Đỗ Quang A là ngang nhau và thấp hơn các bị cáo Lê Văn T1, Vũ Văn V.

[15] Đối với bị cáo Phạm Văn H: Bị cáo Phạm Văn H là người được bị cáo Vũ Văn V rủ đến chơi bài nên bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án.

- Về mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

[16] Đối với bị cáo Lê Văn T1 và bị cáo Phạm Văn H: Xét thấy bị cáo Lê Văn T1 có vai trò lớn nhất trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự còn bị

cáo Phạm Văn H có vai trò thấp nhất trong vụ án nhưng lại có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn T1, Phạm Văn H là ngang nhau và cao nhất trong vụ án.

[17] Đối với bị cáo Vũ Văn V và bị cáo Lê Văn D: Bị cáo Vũ Văn V có vai trò thấp hơn so với bị cáo Lê Văn T1 nhưng cao hơn các bị cáo khác còn bị cáo Lê Văn D có vai trò thấp hơn các bị cáo Lê Văn T1, Vũ Văn V nhưng cao hơn bị cáo Phạm Văn H; bị cáo Lê Văn D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự hơn bị cáo Vũ Văn V nên cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn D và Vũ Văn V là ngang nhau nhưng thấp hơn hình phạt của các bị cáo Phạm Văn H và Lê Văn T1.

[18] Đối với bị cáo Đỗ Quang A: Bị cáo Đỗ Quang A có vai trò thấp hơn các bị cáo Lê Văn T1, Vũ Văn V nhưng cao hơn bị cáo Phạm Văn H và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[19] Xét thấy các bị cáo Lê Văn T1, Vũ Văn V trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Lê Văn T1, Vũ Văn V được hưởng án treo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[20] Giao các bị cáo Lê Văn T1, Vũ Văn V cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

[21] Bị cáo Phạm Văn H phạm tội thuộc trường hợp "Tái phạm"; bị cáo Đỗ Quang A đang bị Cơ quan An ninh Điều tra - Công an thành phố Hải Phòng khởi tố bị can, bắt tạm giam về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu, nộp Ngân sách nhà nước" theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Văn D mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng nhân thân bị cáo đã có một tiền án về tội "Đánh bạc", đã được xóa án nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật nên cần cách ly các bị cáo Phạm Văn H, Đỗ Quang A và Lê Văn D khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo. Việc bị cáo Lê Văn D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

[22] Thời gian tạm giữ từ ngày 29 tháng 8 năm 2020 đến ngày 07 tháng 9 năm 2020 của các bị cáo Lê Văn D, Đỗ Quang A được trừ vào thời gian chấp hành án của các bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung:

[23] Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 50.000.000đồng . Xét thấy, các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng:

[24] Cơ quan Cảnh sát Điều tra có thu giữ 15.070.000đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài. Xét thấy, 15.070.000đồng là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về các vấn đề khác:

[25] Đối với Lê Thị T4 không biết việc các bị cáo dùng nơi ở của mình để đánh bạc; Tống Văn V1 và Ngô Văn L1 đến xem nhưng không tham gia vào việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện A không xử lý là có căn cứ.

- Về án phí:

[26] Theo quy định của pháp luật các bị cáo Lê Văn T1, Vũ Văn V, Lê Văn D và Đỗ Quang A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Bị cáo Phạm Văn H thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn H 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù của bị cáo Phạm Văn H tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2020

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn D 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn tù của bị cáo Lê Văn D tính từ ngày đi thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29 tháng 8 năm 2020 đến ngày 07 tháng 9 năm 2020).

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo Lê Văn D đến khi bị cáo Lê Văn D đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Quang A 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù của bị cáo Đỗ Quang A tính từ ngày 28 tháng 10 năm 2020 (được trừ thời gian tạm giữ, từ ngày 29 tháng 8 năm 2020 đến ngày 07 tháng 9 năm 2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T1 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn V 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao các bị cáo Lê Văn T1, Vũ Văn V cho UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Văn H, Lê Văn D, Vũ Văn V, Đỗ Quang A và Lê Văn T1.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 15.070.000đồng

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện A quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

- Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, các bị cáo Lê Văn D, Đỗ Quang A, Lê Văn T1 và Vũ Văn V mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn H

Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân T.p Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 06 CATP;
Phòng PC 10 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- UBND xã, phường nơi cư trú của bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch